

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST

Ngày: 29-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Lịch.

Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Đông

Ông Cà Văn Minh

Bà Vương Kim Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 15/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Sùng A L, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2000, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản T, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng A S, sinh năm 1978 và bà Lầu Thị G, sinh năm 1981; bị cáo chung sống như vợ chồng với Lầu Thị H, sinh năm 2001; có 02 người con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2023 và bị tạm giam từ ngày 28/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Sùng A L: Bà Lò Thị X, Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Sùng A L đi đến khu vực xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên chơi, L gặp và quen biết một người giới thiệu tên Sẻ A Và nhà ở bản H, xã M, huyện Đ, nói chuyện đặt vấn đề thuê L vận chuyển ma túy cho V, L đồng ý, hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Khoảng 18 giờ ngày 21/6/2023 L nhận được điện thoại của V và hẹn L chiều ngày 22/6/2023 đến gặp V ở đầu bản H, xã M để nhận và vận chuyển ma túy. Khoảng 15 giờ ngày 22/6/2023, L mượn xe máy HONDA màu đỏ đen biển kiểm soát 27B2-330.18 của Sùng A C ở cùng bản, điều khiển xe máy đi đến khu vực đầu bản H, xã M, huyện Đ, L thấy V đang đứng một mình cạnh xe máy loại Future màu đỏ không rõ biển kiểm soát, bên cạnh xe máy có 01 bao tải xác rắn màu đỏ, V đưa cho L bao tải và nói bên trong có ma túy, V không nói là loại ma túy gì, số lượng bao nhiêu, L nhận bao tải không mở ra xem để vào giá để hàng trước yên xe máy, V đưa cho L một mảnh bìa giấy trên đó ghi dòng chữ “Ngã ba lai khê Hải Dương – SĐT: 0936805461” dặn L sau khi gửi được bao tải chứa ma túy lên xe khách nhà xe L2 đi tuyến Điện Biên - Hải Dương, đưa mảnh bìa giấy đó cho phụ xe, V hứa xong việc sẽ trả công cho L 12 triệu đồng, sau đó L điều khiển xe máy đi đến khu vực tổ C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, L nhìn thấy xe khách của nhà xe L2 đi tuyến Điện Biên – Hải Dương, L điều khiển xe máy đi đến gần xe khách thì bị Tổ công tác phát hiện bắt quả tang thu giữ 02 túi ma túy tổng hợp loại Ketamine có khối lượng 1.727 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 1045/KL-KTHS ngày 29/6/2023 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận:

- *Khối lượng vật chứng thu giữ của Sùng A L là 1.727 gam.*
- *02 (hai) mẫu tinh thể màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Sùng A L giám định là chất ma túy: Loại Ketamine.*

Bản Cáo trạng số: 104/CT-VKS-P1 ngày 06/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố Sùng A L để xét xử về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A L tù chung thân và không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng A L.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và Điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội, điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo, không có việc làm ổn định, thu nhập gia đình phụ thuộc vào làm nông nghiệp, bản thân bị

cáo nhận thức pháp luật còn có nhiều hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo có ông nội là Sùng Nhì C1, là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, người bào chữa nhất trí như đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, không bổ sung thêm gì với bản bào chữa của người bào chữa và không tranh luận với luận tội của kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo Sùng A L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Sùng A L khai nhận: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 22/6/2023 tại khu vực tổ C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Tổ Công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ phối hợp với Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Bộ C2, Cục Hải quan tỉnh Đ làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang Sùng A L đang thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 02 túi ma túy loại Ketamine, có khối lượng 1.727 gam. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy đó là do Sẻ A V1 (nhà ở bản H, xã M, huyện Đ) đưa cho bị cáo và thuê bị cáo vận chuyển ma túy cho Và đến tỉnh Hải Dương, Và sẽ trả công cho bị cáo 12 triệu đồng (bị cáo chưa nhận được tiền công vận chuyển từ Và).

Lời khai nhận tội của bị cáo Sùng A L đúng như nội dung bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 22/6/2022; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, Kết luận giám định số 1045/KL-KTHS ngày 29/6/2022 của Phòng K Công an tỉnh Đ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định vào ngày 21/6/2023, bị cáo Sùng A L đã có hành vi vận chuyển trái phép 1.727 gam Ketamine với mục đích để kiếm lời.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự:

Điều 250. Tội vận chuyển trái phép chất ma túy

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình;

...e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo về tội vận chuyển trái phép chất ma túy theo Điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Xét hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy để kiếm lời của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Mặc dù biết việc vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện là do muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không nghĩ đến hậu quả mà bị cáo có thể gây ra cho xã hội, bị cáo đã cố ý trực tiếp vận chuyển trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật cần phải xử lý nghiêm.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra bị cáo có ông nội là Sùng Nhia Của được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Sùng A L phạm tội lần đầu và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy với khối lượng 1.727 gam Ketamine của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Sùng A L nhận thức rất rõ việc pháp luật nghiêm cấm và xử phạt rất nghiêm khắc đối với các hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng vì muốn có tiền một cách nhanh chóng, bị cáo L đã cố tình vi phạm. Để nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhất là tội phạm về ma túy. Vì vậy, khi lượng hình HĐXX cũng cần cân nhắc xem xét về mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, lời đề nghị của vị đại diện của kiểm sát viên và của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ HĐXX cần chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự thì: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy nghề nghiệp chính của bị cáo trước khi bị bắt làm nông nghiệp, không có nguồn thu nhập nào khác, bản thân lại phải chăm lo cho gia đình, điều kiện kinh tế còn gặp khó khăn; nếu có áp dụng thì bị cáo cũng không có khả năng thi hành.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với vật chứng là 1.718,23 gam Ketamine đã trừ mẫu giám định; 01 tờ bìa ghi chữ “Campus”; 02 túi nilon màu trắng, miệng túi có nẹp nhựa cố định; 01 túi nilon màu xanh; 01 túi nilon màu trắng; 02 túi nilon loại vỏ túi chè; 01 túi nilon màu đen được quấn cố định bằng băng dính trong suốt; 01 lớp giấy bạc; 01 bao tải xác rắn (trong đó 01 bao tải xác rắn màu xanh và 01 bao tải xác rắn màu đỏ); 15 bắp ngô; biển kiểm soát 27B2-263.36 đã cũ và qua sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO, màu đen thu giữ của bị cáo, do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thù miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét thấy bị cáo Sùng A L thuộc đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng A L.

[7] Về các vấn đề khác: Trong vụ án này, theo lời khai của bị cáo Sùng A L, S1 a V1 là người giao và thuê bị cáo vận chuyển ma túy. Cơ quan điều tra đã triệu tập để điều tra làm rõ, nhưng tại các thời điểm triệu tập Sê A không có mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng A L phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng A L tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/6/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 1.718,23 gam Ketamine thu giữ của Sùng A L là vật chứng còn lại sau khi giám định.

- 01 (một) phong bì niêm phong của Phòng K, Công an tỉnh Đ, các mép được dán kín. Mặt trước phong bì in chữ nghiêng: *“01 tờ bì ghi chữ “Campus” còn lại sau giám định vụ Sùng A L, sinh năm 2000, cư trú tại: bản T. Xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên về hành vi: Vận chuyển trái phép chất ma túy”*, mặt sau trên mép dán có chữ ký, họ tên giáp lai của Đậu Thành B, Trần Thị Hồng L1 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- 01 (một) hộp bì catton hình hộp chữ nhật, được dán kín lại. Trên các tờ giấy niêm phong có in dòng chữ in nghiêng: *“ 02 (hai) túi nilon màu trắng, miệng túi có nẹp nhựa cố định; 01 (một) túi nilon màu xanh; 01 (một) túi nilon màu trắng; 02 (hai) túi nilon loại vỏ túi chè; 01 (một) túi nilon màu đen được quấn cố định bằng băng dính trắng trong suốt; 01 (một) lớp giấy bạc còn lại sau giám định vụ Sùng A L, sinh năm 2000, cư trú tại: bản T. Xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên về hành vi: Vận chuyển trái phép chất ma túy”* cùng chữ ký, họ tên của: Đậu Thành B1, Trần Thị Hồng L1 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- 02 bao tải xác rắn, trong đó 01 bao tải xác rắn màu xanh và 01 bao tải xác rắn màu đỏ, đã cũ và qua sử dụng;

- 15 bắp ngô (đã hỏng thối)

- Biển kiểm soát 27B2-263.36 đã cũ và qua sử dụng.

** Tịch thu sung ngân sách nhà nước:* 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, màu đen, đã cũ và qua sử dụng (màn hình bị nứt, vỡ).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 07/11/2023).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng A L.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Sùng A L có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2023).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Xa Dung, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lò Văn Lịch